TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 3 năm 2020
Về việc: Ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Kim Lên

Ông: Trịnh Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 783/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Việt M** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Việt M chung sống với nhau năm 2014 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Việt M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 01 người con chung tên Nguyễn Việt Trọng N, sinh ngày 08/6/2015 nay chị đang nuôi dạy,

nay yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Việt M: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến đối với anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Việt M có nơi trú tại ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Việt M, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh M là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Việt M tòa án tống đạt hợp lệ các giấy mời về phiên hợp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh M vẫn vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh M không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh M đã ly thân thời gian dài khoảng 5 năm nay. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh M.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh M có 01 người con chung tên Nguyễn Việt Trọng N, sinh ngày 08/6/2015 hiện sống chung với chị N.

Xét, con chung tên Nguyễn Việt Trọng N, sinh ngày 08/6/2015 sống chung với chị N hiện đang đi học nên gần gũi với chị N, ổn định về thời gian, phát triển

tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Việt Trọng N, sinh ngày 08/6/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; chị N yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con xét thấy phù hợp nên được chấp nhận. Cần buộc anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến đủ 18 tuổi, theo quy định của pháp luật mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Việt M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt Trọng N, sinh ngày 08/6/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Buộc anh Nguyễn Việt M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Việt Trọng N đến tuổi trưởng thành (tức 18 tuổi) mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu) kể từ ngày 13/3/2020.

Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 10/12/2019 chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002973 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

Anh Nguyễn Việt M phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã KBT Bắc, huyện Trần Văn Thời
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy